

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON SEN HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 115 / BC-MNSH

Phú Hòa, ngày 12 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG KHAI

**Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Sen Hồng

1.2. Địa chỉ trụ sở

Địa chỉ: Số 108/2, đường 30/4, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274) 3840789

Email: mn-senhong@tptdm.edu.vn

Website: <https://mnsenhong.tptdm.edu.vn>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Mầm non công lập

Chức năng: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục mầm non

Nhiệm vụ: Nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ từ 24 tháng đến 5 tuổi

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

➤ **Sứ mạng:** Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm có chất lượng để tất cả trẻ trong nhà trường đều có cơ hội phát triển một cách toàn diện.

➤ **Tầm nhìn:** Trường Mầm non Sen Hồng phấn đấu luôn là một ngôi trường thân thiện, có chất lượng, có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học phù hợp trẻ MN. Là nơi các bậc phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em vào học tập, trẻ có những kỹ năng cơ bản để học lên ở cấp học tiểu học.

➤ **Mục tiêu:** Xây dựng một trường học thân thiện; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ, hình thành nhân cách và chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp 1. Xây dựng nhà trường có uy tín, là mô hình giáo dục chất lượng cao phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, của đất nước.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Sen Hồng được thành lập theo quyết định số 76/QĐ-UB ngày 19 tháng 6 năm 2001 có tên Trường Mầm non Sen Hồng. Ngày 19 tháng 6 năm 2005 trường chuyển đổi loại hình thành Trường Mầm non Sen Hồng. Với tổng diện tích sử dụng 2490,3 m² khuôn viên trường rộng rãi thoáng mát, sân trường có cây xanh bóng mát và cây cảnh, cây có hoa cho trẻ khám phá hoạt động...

Các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi được bố trí sắp xếp phù hợp với lứa tuổi mầm non, đảm bảo trẻ có đủ không gian hoạt động, trường có hàng rào bao quanh, có cổng chính và cổng phụ đúng quy định, an toàn.

Năm học 2014-2015 nhà trường đã được UBND tỉnh Bình Dương công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Từ khi đạt chuẩn đến nay trường không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục. Nhờ sự đoàn kết và nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường đã nhiều năm được UBND tỉnh tặng giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm học 2018-2019, năm học 2019-2020 trường được UBND tỉnh Bình Dương tặng bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm học 2019-2020 đơn vị đã được SGD công nhận kiểm định chất lượng giáo dục mức 2 và UBND tỉnh Bình Dương công nhận lại chuẩn quốc gia mức độ 1.

1.6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Sen Hồng, số 108/2, đường 30/4, Khu phố 2, phường Phú Hòa, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 036 713 7882

Email: nghanh108@gmail.com

1.7. Tổ chức bộ máy

- Trường được thành lập theo quyết định số 76/QĐ-UB ngày 19 tháng 6 năm 2001 có tên Trường Mầm non Sen Hồng.

- Trường có Hội đồng trường, Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về kiện toàn Hội đồng trường của Trường Mầm non Sen Hồng nhiệm kỳ 2024 – 2028. Hội đồng trường có 7 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Bà Nguyễn Hoàng Thanh Phương	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
3	Bà Nguyễn Hoa Lý	CTCD	Thành viên
4	Bà Phạm Thị Mỹ Châu	TT tổ Chồi -Lá	Thư ký
5	Bà Võ Hà Mai Thanh	TT tổ Văn phòng	Thành viên
6	Bà Lại Thị Phước Hạnh	CT Hội LHPN phường Phú Hòa	Thành viên
7	Ông Trần Phú Quốc	Trưởng Ban ĐDCMHS	Thành viên

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	ĐH	CB	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên	19	11	2	0	6
I	Cán bộ quản lý	2	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1	1			
II	Giáo viên	10	8	2	0	0
1	Nhà trẻ	0	0	0	0	0
2	Mẫu giáo	10	8	2	0	0
III	Nhân viên	17	1	0	2	14
1	Nhân viên Văn thư	01				1
2	Nhân viên Kế toán	01	1			
3	Nhân viên Cấp dưỡng	3				3
4	Nhân viên Bảo vệ	2				2

2. Số lượng, tỉ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp:

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024 (Kết quả đạt)
1	Cán bộ quản lý	02
	Số lượng	02 tốt
	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	10 (7 XL Tốt; 4: XL Khá)
	Tỷ lệ	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Yêu cầu theo quy định
1	Điểm trường			
2	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2490,3m ²	2490,3m ²	đạt
	Diện tích bình quân mỗi trẻ (m2/trẻ)	15,96 m ² /1 trẻ	20,92 m ² /1 trẻ	đạt
3	Khối phòng hành chính			đạt
3.1	Phòng hiệu trưởng	01	01	đạt
3.2	Phòng phó hiệu trưởng	02	02	đạt
3.3	Văn phòng trường	01	01	đạt
3.5	Phòng bảo vệ	0	0	Không
3.6	Nhà vệ sinh	01	01	Không có phòng nam - nữ riêng
3.7	Nhà để xe của CBGVNV có đủ chỗ và có mái che	01	01	đạt
4	Phòng chăm sóc, nuôi dưỡng (lớp học)			
4.1	Phòng học kiên cố	5	5	
4.2	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	71,92m ²	71,92m ²	đạt
4.3	Diện tích phòng vệ sinh (m2)	16,53m2/phòng	16,53 m2/phòng	đạt
4.4	Diện tích sân chơi (m2)	90,9m ²	90,9m ²	đạt
5	Phòng tổ chức ăn			
5.1	Phòng bếp	01	01	đạt
5.2	Kho bếp	01	01	đạt
6	Khối phụ trợ			
6.1	Phòng y tế	01	01	đạt
6.2	Sân vườn	1.688m ²	1.688m ²	đạt
6.3	Cổng, hàng rào			đạt
7	Hạ tầng kỹ thuật			
7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Có hệ thống cung cấp	Có hệ thống cung cấp	đạt

		nước sạch và đầu nối nước thải theo quy định	nước sạch và đầu nối nước thải theo quy định	
7.2	Hệ thống cấp điện	Đảm bảo đủ công suất và an toàn	Đảm bảo đủ công suất và an toàn	đạt
7.3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Trang bị đầy đủ theo quy định hiện hành	Trang bị đầy đủ theo quy định hiện hành	đạt
7.4	Hạ tầng công nghệ thông tin (điện thoại; mạng internet...)	Trang bị lại hệ thống cáp mạng bằng thiết bị wifi cho các khối lớp	Trang bị lại hệ thống cáp mạng bằng thiết bị wifi cho các khối lớp	đạt
7.5	Khu thu gom rác thải	Có hợp đồng thu gom rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh	Có hợp đồng thu gom rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh	đạt
8	Khối phòng phục vụ học tập			
8.1	Thư viện	01	01	đạt
8.2	Phòng máy	01	01	đạt
9	Thiết bị đồ dùng, đồ chơi phục vụ chăm sóc giáo dục:			
9.1	Máy vi tính	18	18	đạt
9.2	Máy chiếu	01	01	đạt
9.3	Ti vi	07	07	đạt
9.4	Nhạc cụ (Đàn organ)	06	06	đạt
9.5	Máy photo	01	01	đạt
9.6	Đầu Video/đầu đĩa	01	01	đạt
9.7	Thiết bị âm thanh (Ampli, thùng bass)	04 bộ	04 bộ	đạt
9.8	Đồ chơi ngoài trời	10 bộ	10 bộ	đạt
9.9	Bàn ghế đúng quy cách	150 bộ	150bộ	đạt

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo quyết định cấp độ 2 theo quyết định số 1884/QĐ-SGDĐT ngày 07/10/2020 của Sở giáo dục Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc công nhận trường mầm non Sen Hồng đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024 (cuối năm)	Năm học 2024-2025 (tháng 12)
1	Tổng số lớp	5	5
2	Tổng số trẻ	156	119
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	35	33
4	Số trẻ học 2 buổi/ ngày	156	119
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	156	119
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	156	119
6.1	Số trẻ em được có tình trạng dinh dưỡng bình thường	144	99
6.2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	2
6.3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	2
6.4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể hai thể	0	0
6.5	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	0	0
6.6	Số trẻ thừa cân béo phì	12	16
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	69	41
8	Số trẻ khuyết tật	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Số TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
A	TỔNG THU			
I	Số thu phí, lệ phí	193.140.000	332.640.000	
1	Thu học phí lệ phí	193.140.000	332.640.000	
2	Khác	-	-	
II	Thu từ NSNN cấp (dự toán giao)	3.918.916.357	3.216.357.900	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.501.195.880	2.802.471.811	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	417.720.477	413.886.089	
B	TỔNG CHI			
I	Chi từ nguồn học phí	130.761.081	298.676.662	
1	Chi sự nghiệp bậc học mầm non			
a	Chi 60% hoạt động từ nguồn thu học phí	130.761.081	118.931.719	

b	Chi 40% bù lương từ nguồn thu học phí	-	179.744.943	
II	CHI TỪ NGUỒN NSNN			
I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.230.030.026	2.506.275.919	
6000	Tiền lương	1.340.497.808	1.033.487.605	
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	302.364.000	292.032.000	
6100	Phụ cấp lương	682.489.905	481.742.276	
6200	Thưởng thường xuyên	76.999.988		
6300	Các khoản đóng góp	461.669.627	360.626.640	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	163.920.000	176.640.000	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	60.938.698	59.745.538	
6550	Vật tư văn phòng	8.743.000	6.486.000	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	264.000	410.000	
6700	Công tác phí	12.000.000	12.000.000	
6750	Chi phí thuê mướn	43.480.000	10.000.000	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	22.539.600	12.413.320	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	45.523.400	50.713.540	
7050	Mua sắm tài sản vô hình	8.600.000	9.000.000	
7750	Chi khác		979.000	
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	384.417.977	413.886.089	
6105	Phụ cấp làm thêm giờ	144.041.657	199.847.859	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập			
6400	Chi các khoản thanh toán cho cá nhân	189.026.320	159.988.230	
6750	Chi phí thuê mướn	1.250.000	3.450.000	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	6.300.000	6.600.000	
7750	Chi khác	43.800.000	44.000.000	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Thực hiện hiệu quả chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm”. Duy trì thực hiện tốt chuyên đề “*Xây dựng trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm*”

Phối hợp tốt với Ban đại diện Cha mẹ trẻ thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tổ chức tốt các ngày lễ, hội tại lớp, trường đúng quy định, cho trẻ 5 tuổi tham quan trường tiểu học...

Thực hiện tham mưu kịp thời với địa phương, sự phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể của địa phương và cha mẹ trẻ trẻ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ, tạo điều kiện cho giáo viên cốt cán tham gia lớp trung cấp chính trị, quản lý nhà nước. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, tình thương, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên đối với trẻ. Bồi dưỡng kỹ năng UDCNTT.

Thực hiện tốt Quy chế công khai theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Thông tư 90/2019 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính.

Phú Hòa, ngày 12 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hạnh